

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, CHỆ LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Quang Minh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Mi C**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: bản **Ma Lò T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Anh **Lừ A C1**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản **Ma Lò T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị **Lý Mỹ C2** trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **L A C1** đăng ký kết hôn ngày 18/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chị và anh **C1** thường xuyên cãi nhau, anh **C1** xúc phạm chị và bố mẹ chị. Chị đã sống ly thân với anh **C1** từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, khi sống ly thân

anh C1 tiếp tục gọi điện để chửi mắng chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại bản Huổi Luông 2, xã H, huyện P để sinh sống. Giữa chị và anh C1 không còn quan tâm, yêu thương nhau, gia đình hai bên mâu thuẫn nên không hòa giải cho chị và anh C1. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh C1, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C1.

2. Về con chung: Chị và anh C1 có 02 con chung là Lừu Châu K, sinh ngày 17/5/2014 và Lừu Vân T, sinh ngày 14/11/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con vì hiện các con chung đang ở cùng chị và bố mẹ chị, từ khi các con ở cùng với chị anh C1 không có trách nhiệm gì với con. Nếu được trực tiếp nuôi con chị không yêu cầu anh C1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị C2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của bị đơn anh L A C1 trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân như chị C2 trình bày là đúng. Anh không nhất trí ly hôn vì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị C2 bỏ đi anh mong muốn chị về nhà tiếp tục chung sống nhưng chị C2 không về. Nếu chị C2 muốn ly hôn thì chị phải trả cho anh tiền sính lễ tổ chức đám cưới là 40.800.000 đồng gồm các khoản tiền mua đồng bạc, dây chuyền, trâu, lợn...) thì anh mới nhất trí ly hôn.

Về con chung như chị C2 trình bày là đúng, nếu phải ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị C2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị C2 có số tiền chung là 99.000.000 đồng gồm: Tiền bán củ sắn: 70 triệu đồng; tiền bán củ nghệ: 04 triệu đồng; 01 con lợn bố chị C2 cho từ lúc bé anh đã nuôi lớn được khoảng 01 tạ giá 05 triệu đồng (con lợn đã mổ thịt); 01 con trâu 05 tuổi đã bán giá 20 triệu đồng. Hiện số tiền trên do chị C2 là người quản lý để chi tiêu trong gia đình, chị C2 chi tiêu những gì anh không biết và anh cũng không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án nhưng anh đề nghị chia số tiền 99 triệu đồng là tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương

sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228; 328 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lý Mi C** và xem xét quyết định: Chị **C** được ly hôn với anh **C1**; giao con chung **Lừ Châu K**, sinh ngày 17/5/2014 và **Lừ Vân T**, sinh ngày 14/11/2016 cho chị **C** nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung do không yêu cầu nên không xem xét; Về yêu cầu chia tài sản chung của anh **C1** không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lừ A có nơi cư trú tại bản Ma Lù Thàng 1, **xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh **C1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, Tòa án phải làm việc với anh **C1** tại **Ủy ban nhân dân xã H**. Chị **C** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 28/8/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do

nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Mi C** và anh **Lừu A C1** đăng ký kết hôn ngày 18/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị **C** và anh **C1** hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **C** và anh **C1** là hợp pháp. Quá trình chung sống chị **C** và anh **C1** hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh **C1** thường xuyên chửi mắng chị **C** khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 và cũng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh **C1** không nhất trí ly hôn, nếu chị **C** muốn ly hôn thì phải trả lại tiền sính lễ cho anh thì anh nhất trí. Kết quả xác minh tại bản Ma Lù Tháng 1 thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản chưa hòa giải cho anh chị lần nào nhưng anh chị đã sống ly thân, chị **C** không về chung sống cùng với anh **C1**. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị **C** và anh **C1** cũng đã kéo dài, giữa chị **C** và anh **C1** không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị **C** không còn tình cảm yêu thương đối với anh **C1**, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh **C1**, anh **C1** không nhất trí ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục hòa giải chứng tỏ anh không muốn hàn gắn Chá cảm vợ chồng. Việc anh có ý kiến nếu chị **C** muốn ly hôn phải trả lại tiền sính lễ, đây là phong tục tập quán lạc hậu, không đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận. Như vậy, hôn nhân giữa chị **C** và anh **C1** đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị **C** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **C1** là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung là **Lừu Châu K**, sinh ngày 17/5/2014 và **Lừu Vân T**, sinh ngày 14/11/2016. Chị **C** có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh **C1** phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh **C1** cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tuy nhiên theo ý kiến của 02 con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn do ở với bố đều không được quan tâm, chăm sóc. Xét thấy 02 con chung còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị **C** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị **C** không yêu cầu anh **C1** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh **C1** yêu cầu Tòa án: chia số tiền 99.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng gồm: tiền bán củ sắn: 70 triệu đồng; tiền bán củ nghệ: 04 triệu đồng; 01 con lợn bố chị **C** cho từ lúc bé anh đã nuôi lớn được khoảng 01 tạ giá 05 triệu đồng (con lợn đã mổ thịt); 01 con trâu 05 tuổi đã bán giá 20 triệu đồng theo quy định của pháp luật. Hiện số tiền trên do chị **C** là người quản lý để chi tiêu trong gia đình, chị **C** chi tiêu những gì anh không biết. Tuy nhiên, chị **C** xác định giữa chị và anh **C1** không có tài sản chung là số tiền như anh **C1** yêu cầu nên chị không nhất trí về việc chia tài sản chung; số tiền bán sắn, nghệ, trâu đều đã chi tiêu gia đình, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình và chữa bệnh cho chị đã hết; còn 01 con lợn do bố chị cho nuôi để sinh sản nhưng lợn không sinh sản được nên bố chị đã lấy mổ thịt. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh **C1** là không có căn cứ do anh **C1** không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn do nguyên đơn, bị đơn là hộ nghèo.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 328, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 3 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Mi C** được ly hôn với anh **Lừu A C1**.

2. Về con chung: Giao con chung **Lừu Châu K**, sinh ngày 17/5/2014 và **Lừu Vân T**, sinh ngày 14/11/2016 cho chị **L1 Mi Chê** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh **Lừ A C1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Mi C** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh **Lừ A C1**.

5. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Lý Mi C**, trả lại cho chị **L1** Mi Chê số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000406 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh **Lừ A C1**.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Chê Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

